TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 966/2024/HS-PT
Ngày 11 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Lực

Ông Ong Thân Thắng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Bình - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 1160/2024/TLPT-HS ngày 14/10/2024 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thái B và anh Nguyễn Văn T1, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2024/HS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

* Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Quốc T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 24/7/1964 tại Nam Định;

Nơi cư trú: P A, khu tập thể K, phường K, quận T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc H (đã chết) và con bà Phạm Thị L; vợ Trần Thị H1, sinh năm 1970 và có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Từ tháng 3/1979 đến tháng 8/1982 đã 03 lần bị xử phạt vi phạm hành chính (trong đó 02 lần bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và 01 lần bị xử phạt về hành vi cưỡng đoạt tài sản công dân).

- Tháng 3/1982 bị xử phat hành chính bằng hình thức đưa đi tập trung cải tạo 03 năm về hành vi cướp giật tài sản của công dân;

- Ngày 29/11/1981 bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân";

- Tại Bản án số 354/HS-ST ngày 30/9/2005 của Tòa án nhân dân thành phố

Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc", ngày 02/9/2006 bị cáo được đặc xá (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

1. Anh Nguyễn Thái B, sinh năm 1989, vắng mặt;

Trú tại: Tổ dân phố T, phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990, vắng mặt;

Trú tại: Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua bạn bè anh Nguyễn Thái B, quen biết Nguyễn Quốc T. Ngày 05/01/2023 anh B hỏi vay T số tiền 1.000.000.000 đồng. T đồng ý cho anh B vay với lãi suất là 3.500 đồng/01 triệu/01 ngày và yêu cầu anh B phải có tài sản thế chấp cho khoản vay này. Anh B đặt vấn đề mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng 183m^2 đất của bạn là anh Nguyễn Văn T1 để làm tài sản thế chấp vay tiền của T, anh T1 đồng ý. Ngày 05/01/2023, anh T1 cùng T đến Văn phòng C, địa chỉ: Số B đường H, phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 183m^2 trên cho T để làm tài sản thế chấp cho khoản vay.

Sau khi ký Hợp đồng công chứng, T tự cắt thu luôn tiền lãi tháng 01/2023 của khoản vay trên là 105.000.000 đồng và sử dụng Internet Banking cài đặt trong điện thoại Iphone 12 mini chuyển từ tài khoản ngân hàng số 19034796445011 của mình, mở tại Ngân hàng TMCP K (T3) chuyển khoản số tiền 895.000.000 đồng đến tài khoản số 2130911291 của anh B mở tại Ngân hàng TMCP Đ (B1). Đến ngày 05/02/2023, anh B sử dụng tài khoản ngân hàng số 2130911291 chuyển khoản số tiền 105.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng số 19034796445011 của T để thanh toán, trả cho T tiền lãi của tháng 02/2023.

Sau khi anh B trả được 02 tháng tiền lãi, đến tháng tiếp theo anh B không có tiền nên không trả cho T thêm khoản tiền gốc, lãi nào. T có gọi điện cho anh B để hỏi nhưng không liên lạc được, lúc này do đã có Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 183m^2 của anh T1 và khi vay T có nói với anh B nếu không trả được lãi đúng hẹn thì sẽ làm thủ tục sang tên đối với thửa đất trên nên T xác định không thu tiền lãi của anh B nữa. Vì vậy, T đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên và đến ngày 30/06/2023, Văn phòng Đ1 chi nhánh thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DL232807 đối với mảnh đất trên cho T.

Ngày 17/11/2023, anh B gọi điện hẹn T đến quán C1 ở tổ dân phố X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc để thỏa thuận về khoản vay 1.000.000.000 đồng và xin chuộc lại thửa đất nêu trên nhưng T không đồng ý và yêu cầu anh B phải làm giao dịch chuyển nhượng lại mảnh đất nêu trên theo giá thị trường. Khi hai bên đang thỏa thuận thì Cơ quan Công an tiến hành kiểm tra, phát hiện, lập biên bản sự việc, thu giữ của Nguyễn Quốc T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 mini, bên trong lắp 01 sim điện thoại số 0915034368; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DL232807 đối với thửa đất số 802, tờ bản đồ số 15, diện tích 183m^2, địa chỉ tại phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc mang tên Nguyễn Quốc T cấp ngày 30/6/2023. Ngày 26/12/2023, T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 55.000.000 đồng. Ngày 22/11/2023, anh B giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 USB, 01 bản gốc Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 05/01/2023, 01 bản sao kê giao dịch tài khoản ngân hàng số 2130911291 của anh B mở tại Ngân hàng TMCP Đ (B1).

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh V đã cho T và anh B nghe lại và nhận dạng giọng nói trong 02 đoạn video ghi hình có âm thanh lưu trong USB anh B giao nộp, T và anh B đều xác nhận nội dung trong các đoạn video đều là các đoạn hội thoại, trao đổi thỏa thuận trả tiền vay lãi nặng giữa T và anh B.

Cơ quan điều tra tiến hành sao kê tài khoản ngân hàng số 19034796445011 của Nguyễn Quốc T mở tại Ngân hàng TMCP K. Kết quả đối chiếu tài liệu sao kê của T và tài liệu sao kê tài khoản của anh B số 2130911291 mở tại Ngân hàng TMCP Đ trùng khớp với lần T chuyển khoản cho vay và lần anh B chuyển khoản trả tiền lãi như đã nêu trên.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2025/HS-ST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 40.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Truy thu của anh Nguyễn Thái B số tiền gốc vay của bị cáo Nguyễn Quốc T chưa trả là 895.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T trả cho anh Nguyễn Thái B số tiền thu lợi bất chính là 176.120.000 đồng.

Về xử lý đồ vật, tài liệu, vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quốc T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 232807 mang tên Nguyễn Quốc T cấp ngày 30/6/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử lý các vật chứng, truy thu số tiền thu lợi bất chính, buộc nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/8/2024 bị cáo Nguyễn Quốc T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Ngày 05/8/2024 anh Nguyễn Thái B và anh Nguyễn Văn T1 đều có đơn kháng cáo đề nghị xem xét để xử lý hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo với anh T1 vô hiệu và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T1; Tòa án cấp sơ thẩm truy thu số tiền 895.000.000 đồng từ anh B để sung quỹ Nhà nước là quá cao.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày như sau:

Bị cáo Nguyễn Quốc T trình bày: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhưng do nhận thức pháp luật hạn chế, vì ham lợi nên bị cáo mới phạm tội; bị cáo có hoàn cảnh hết sức khó khăn, mẹ già yếu hiện bị tai biến nằm một chỗ; quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo có nhiều hoạt động tham gia các phong trào từ thiện để ủng hộ đồng bào bị lụt bão, gặp khó khăn; bị cáo thường xuyên thăm hỏi, động viên, giúp đỡ cụ Trần Thị H2 là Bà Mẹ Việt Nam anh hùng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có thời gian phụng dưỡng mẹ già yếu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, quy kết bị cáo như bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo nên đã xử phạt bị cáo mức án như bản án sơ thẩm là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm tuy bị cáo xuất trình thêm một số tài liệu thể hiện bị cáo có nhiều hoạt động từ thiện, giúp đỡ Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, nhưng với mức án như bản án sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Về số tiền 890.000.000 đồng truy thu từ anh Nguyễn Thái B được xác định là phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu để sung quỹ Nhà nước là đúng pháp luật. Đối với kháng cáo liên quan đến hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo T và anh Nguyễn Văn T1, xác định đây là giao dịch dân sự nên Tòa án cấp sơ thẩm tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác là phù hợp, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp

nhận kháng cáo của bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo vắng mặt không có lý do; xét thấy việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Ngoài ra, sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 10/12/2024 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận được đơn và thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; nhưng việc nộp thủ tục đăng ký sau khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử và sát ngày trước khi mở phiên tòa, nên Hội đồng xét xử không đủ thời gian để xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đây không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Quốc T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã mô tả và quy kết. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thấy phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm về diễn biến sự việc; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra, đặc biệt là phù hợp với sao kê tài khoản của Ngân hàng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 05/01/2023, Nguyễn Quốc T đã cho anh Nguyễn Thái B vay số tiền 1.000.000.000 đồng với lãi suất 3.500 đồng/01 triệu/ngày (tương đương sãi suất 128%/năm). Với mức lãi suất như trên thì đã quá hơn 05 lần so với lãi suất cao nhất (20%/năm) được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, với hành vi của Nguyễn Quốc T như trên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo với tội danh này theo Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước; xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Do bị cáo thu lợi bất chính được xác định số tiền là 176.120.000 đồng, nên cấp sơ thẩm đã quy kết, xử phạt bị cáo theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo; đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra đã tự nguyên nộp số tiền 55.000.000 đồng là một phần tiền thu lợi bất chính; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, mẹ già bị tai biến nằm liệt giường. Tại phiên tòa

phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện quá trình sinh sống tại địa phương tích cực tham gia các phong trào từ thiện, thường xuyên thăm nom, chăm sóc, phụng dưỡng Bà Mẹ Việt Nam anh hùng được chính quyền địa phương và các tổ chức xác nhận. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm nên cần áp dụng thêm cho bị cáo; từ đó có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo, để giảm cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải. Tuy nhiên, bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử lý hành chính cũng như bị xử phạt bằng hình phạt tù nghiêm khắc; tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu chí làm ăn; ngược lại lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của anh B để cho vay lãi nặng; mặc dù vay tiền nhưng lại hợp thức bằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh T1. Hành vi cho vay lãi nặng hiện đang là một thủ đoạn làm bức xúc xã hội, đáng lên án. Do đó, không đủ điều kiện để cho bị cáo cải tạo tại địa phương.

[5] Đối với kháng cáo của anh Nguyễn Thái B và anh Nguyễn Văn T1, thấy:

[5.1] Với số tiền truy thu là 895.000.000 đồng, đây là số tiền mà anh B đã nhận từ bị cáo để thực hiện giao dịch vay tiền, không phải là tiền của anh B mà là phương tiện dùng để thực hiện hành vi phạm tội, là vật chứng vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu để sung công quỹ Nhà nước là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5.2] Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo T với anh Nguyễn Văn T1, thấy: Việc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo T với anh T1 là sự thỏa thuận tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, nên đây là giao dịch dân sự phải được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự; khi giải quyết cần phải thu thập, xem xét lỗi của các bên để giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khi có yêu cầu là có căn cứ, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[6] Tổng hợp các phân tích trên thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[7] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo về phần dân sự không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thái B và anh Nguyễn Văn T1; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2024/HS-ST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự";

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 40.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Truy thu của anh Nguyễn Thái B số tiền gốc vay của bị cáo Nguyễn Quốc T chưa trả là 895.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T trả cho anh Nguyễn Thái B số tiền thu lợi bất chính là 176.120.000 đồng.

Về xử lý đồ vật, tài liệu, vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quốc T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 232807 mang tên Nguyễn Quốc T cấp ngày 30/6/2023.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Quốc T không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm. Anh Nguyễn Thái B và anh Nguyễn Văn T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cơ quan THAHS - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo và người có QL&NVLQ (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm